

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/KDTM-ST
Ngày 22 tháng 8 năm 2023
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán
hàng hóa, bảo lãnh*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Việt

Bà Đặng Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 31/2022/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa, bảo lãnh*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2023/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 346/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần C; Trụ sở: Quốc lộ I, tổ A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Thành H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm: 1984; Địa chỉ: số I khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 17/10/2022) (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V; Trụ sở: H29/15 - K408, đường H, quận H, thành phố Đà Nẵng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H1, chức vụ: Giám đốc (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV T2; Trụ sở: ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần C do ông Nguyễn Lưu Q là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần C (sau đây viết tắt Công ty C) có ký kết hợp đồng số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018, về việc mua bán nhiên liệu (dầu DO) với Công ty Cổ phần V (sau đây viết tắt Công ty V). Việc mua hàng được Công ty TNHH MTV T2 (sau đây viết tắt Công ty T2) bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty V. Nơi thực hiện hợp đồng là tại kho hàng của Công ty Cổ phần C ở địa phận phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Số lượng hàng hóa cụ thể của mỗi lần giao nhận theo yêu cầu của bên mua và do bên bảo lãnh là Công ty T2 gửi yêu cầu bằng văn bản. Giá bán được tính theo từng thời điểm được thể hiện trên Hóa đơn.

Thời gian thanh toán: không quá 05 ngày kể từ ngày hoàn thiện toàn bộ chứng từ thanh toán. Căn cứ Hợp đồng mua bán đã ký với Công ty V và theo Bản đề nghị của Công ty T2 thì Công ty C đã xuất bán nhiên liệu 04 đợt, cụ thể như sau:

Đợt 1: ngày 02/01/2018, tổng số nhiên liệu là 15.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 15.160 đồng/lít, tổng giá trị: 227.400.000 đồng.

Đợt 2: ngày 29/01/2018, tổng số nhiên liệu là 10.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 15.950 đồng/lít, tổng giá trị: 159.500.000 đồng.

Đợt 3: ngày 10/02/2018, tổng số nhiên liệu là 24.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 16.150 đồng/lít, tổng giá trị: 387.600.000 đồng.

Đợt 4: ngày 31/03/2018, tổng số nhiên liệu là 12.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 15.910 đồng/lít, tổng giá trị: 190.920.000 đồng.

Trong tất cả các lần mua bán thì Công ty V là người tiếp nhận nhiên liệu tại kho xuất hàng của Công ty C và đều có đề nghị bằng văn bản của bên bảo lãnh thanh toán là Công ty T2. Tổng số tiền mua bán là 965.420.000 đồng. Sau đó, Công ty V đã thanh toán nhiều lần được tổng số tiền là 455.820.000 đồng, còn nợ lại 509.660.000 đồng. Công ty C đã nhiều lần gửi bằng văn bản yêu cầu Công ty V và Công ty T2 thanh toán số nợ còn lại nhưng phía Công ty V không thể liên lạc được; còn phía Công ty T2 đã xác nhận đúng số tiền nợ là 509.660.000 đồng và cam kết sẽ trả dứt nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được cam kết.

Nay Công ty Cổ phần C yêu cầu Công ty Cổ phần V và Công ty TNHH MTV T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty cổ phần C số tiền còn nợ là: 509.660.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Công ty Cổ phần V do ông Trần Quang H1 là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng vào ngày 27/10/2022, ông H1 trình bày như sau:

Ông Trần Quang H1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần V. Công ty cổ phần V thừa nhận có ký hợp đồng số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018 với Công ty cổ phần C và hiện còn nợ số tiền 509.660.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay Công ty cổ phần V đã dừng hoạt động kinh doanh từ năm 2019 vì gặp khó khăn về tài chính nên không thể thanh toán khoản nợ với số tiền 509.660.000 đồng cho Công ty cổ phần C. Công ty cổ phần V không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu nào khác. Ông Trần Quang H1 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên T2 vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cũng như không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn Công ty cổ phần V do ông Trần Quang H1 là người đại diện theo pháp luật có đơn xin vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV T2 vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Bị đơn có đơn xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng nhiều lần vắng không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 335, 342, 434, 435, 436, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C. Buộc Công ty Cổ phần V

và Công ty TNHH MTV T2 liên đới trả số tiền 509.660.000 đồng cho Công ty Cổ phần C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua bán nhiên liệu theo hợp đồng số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù, bị đơn có địa chỉ kinh doanh tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, hợp đồng các bên được ký kết và thực hiện tại thành phố L và tại Điều 5 của Hợp đồng số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018, các bên thỏa thuận “...*mọi tranh chấp (nếu có) hai bên không thương lượng được sẽ do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên giải quyết theo quy định của pháp luật*” nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Lưu Q theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2022. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ông Q tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[2.2] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên T2 do ông Giang Kim T là người đại diện theo pháp luật có trụ sở chính tại ấp C, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang, gồm có các cổ đông: ông Giang Kim T và ông Trần Văn T1. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang thực hiện xác minh địa chỉ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng kết quả thể hiện: Công ty TNHH MTV T2 có địa chỉ như trên không còn hoạt động kinh doanh và cũng không còn ai là thành viên của công ty có mặt tại địa chỉ trên.

Ngày 19/12/2022, người đại diện theo ủy quyền của Công ty C có đơn cung cấp địa chỉ mới của Công ty T2 tại khu công nghiệp S, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thực hiện xác minh theo địa chỉ trên, kết quả thể hiện: Công ty TNHH Một thành viên T2 không có mặt trên địa bàn ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty T2 theo địa chỉ đăng

ký kinh doanh và địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp bằng hình thức niêm yết tại nơi có trụ sở và đăng tải thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng là đúng quy định pháp luật.

[2.3] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Lưu Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 09/8/2023. Bị đơn Công ty V do ông Trần Quang H1 là người đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/10/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty T2 mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng Công ty T2 vẫn không tham dự phiên tòa, vắng mặt không có lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, điều này cho thấy Công ty T2 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đồng thời, Công ty T2 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm căn cứ giải quyết vụ án vắng mặt Công ty T2 theo khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Công ty C căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018 về việc mua bán nhiên liệu (dầu DO) với Công ty Cổ phần V. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần C đã xuất bán nhiên liệu 04 đợt, cụ thể như sau:

+ Đợt 1: ngày 02/01/2018, tổng số nhiên liệu là 15.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 15.160 đồng/lít, tổng giá trị: 227.400.000 đồng;

+ Đợt 2: ngày 29/01/2018, tổng số nhiên liệu là 10.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 15.950 đồng/lít, tổng giá trị: 159.500.000 đồng;

+ Đợt 3: ngày 10/02/2018, tổng số nhiên liệu là 24.000 lít dầu DO (0,05S), giá bán: 16.150 đồng/lít, tổng giá trị: 387.600.000 đồng;

+ Đợt 4: ngày 31/03/2018, tổng số nhiên liệu là 12.000 lít dầu DO(0,05S), giá bán: 15.910 đồng/lít, tổng giá trị: 190.920.000 đồng.

Trong tất cả các lần mua bán thì Công ty V là người tiếp nhận nhiên liệu tại kho xuất hàng của Công ty Cổ phần C và đều có đề nghị bằng văn bản của bên bảo lãnh thanh toán là Công ty TNHH MTV T2, tổng số tiền mua bán là 965.420.000 đồng. Hiện Công ty V còn nợ Công ty Cổ phần C số tiền 509.660.000 đồng. Ngoài ra, Công ty Cổ phần C còn cung cấp các tài liệu như: Biên bản họp số 21 ngày 12/3/2019 và Bản cam kết về việc thanh toán nợ ngày 10/12/2019 thể hiện Công ty T2 thừa nhận bảo lãnh nghĩa vụ, cam kết trả nợ số tiền 509.660.000 đồng của Công ty V cho Công ty Cổ phần C. Mặc dù trong hồ sơ vụ án chưa thể hiện các bên có ký kết Hợp đồng bảo lãnh, người ký trong các tài liệu như Biên bản họp số 21 ngày 12/3/2019 và Bản cam kết về việc thanh toán nợ ngày 10/12/2019 là ông Trần Văn T1 mặc dù không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty T2 nhưng ông T1 cũng là thành viên của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bút lục số 88), khi ký tên trong các biên bản thì

đóng dấu mộc của Công ty cũng như Công ty T2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không phủ định tính pháp lý, trách nhiệm của các văn bản này.

Xét thấy, bị đơn Công ty V do ông Trần Quang H1 là người đại diện theo pháp luật đã thừa nhận còn nợ tiền mua hàng hoá của nguyên đơn với số tiền 509.660.000 đồng theo 04 đợt mua hàng từ ngày 02/01/2018 đến ngày 31/3/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận trách nhiệm bảo lãnh đối với nghĩa vụ chưa thực hiện của bị đơn cho nguyên đơn với số tiền như trên. Do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hai bên thoả thuận nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên đới trả số tiền 509.660.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về lãi chậm thanh toán: Do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty cổ phần V và Công ty TNHH MTV T2 liên đới trả số tiền 509.660.000 đồng cho Công ty Cổ phần C.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty C không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty V và Công ty T2 phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 335, Điều 342, Điều 430, Điều 434, Điều 435, Điều 436, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần C đối với Công ty Cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2.

Buộc Công ty Cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 liên đới trả số tiền 509.660.000 đồng (*năm trăm lẻ chín triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*) cho Công ty Cổ phần C.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng số 02/01-2018/HĐMB-CAG ngày 02/01/2018 giữa Công ty Cổ phần C với Công ty Cổ phần V.

[2] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.193.000 đồng (*mười hai triệu, một trăm chín mươi ba nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0000902 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Công ty Cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.386.400 đồng (*hai mươi bốn triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng*).

[3] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Sở tư pháp;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dung